

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

***2. Bị đơn:*** Ông Tăng Hải Đ, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 11 tháng 01 năm 2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Q trình bày:***

Bà Q và ông Đ kết hôn năm 2015, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 13/4/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau khi bà Q mang thai và sinh con thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Từ tháng 11/2017 đến nay thì bà và ông Đ

không còn sống chung với nhau. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên nay bà Q yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà Q và ông Đ có 01 con chung là Tăng Quỳnh L, sinh ngày 07/8/2013 hiện đang sống với gia đình ông Đ. Theo đơn khởi kiện bà Q yêu cầu được quyền nuôi con chung. Tại phiên tòa bà Q đồng ý để ông Đ trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh ngày 07/9/2022, bị đơn ông Tăng Hải Đ trình bày:*

Ông và bà Q tổ chức cưới năm 2013. Sau khi kết hôn thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Từ tháng 11/2017 đến nay thì ông và bà Q không còn sống chung với nhau. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên nay bà Q yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Q có 01 con chung là Tăng Quỳnh L, sinh ngày 07/8/2013 hiện đang sống với gia đình ông Đ. Khi ly hôn, ông yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh ngày 17/8/2022, con chung cháu Tăng Quỳnh L trình bày:* Khi cha mẹ ly hôn không còn sống chung với nhau cháu có nguyện vọng sống với cha là Tăng Hải Đ.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Q được ly hôn với ông Đ. Về con chung: Đề nghị giao cho ông Đ được quyền trực tiếp nuôi con chung là Tăng Quỳnh L, sinh ngày 07/8/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Tăng Hải Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Đ vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Tăng Hải Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Q và ông Tăng Hải Đ tự nguyện tổ chức cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 13/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ Q và ông Tăng Hải Đ là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ Q: Tại phiên tòa, bà Q xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, bà không còn tình cảm gì với ông Đ và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Ông Đ Trình bày hôn nhân giữa ông và bà Q không có hạnh phúc nên bà Q yêu cầu ly hôn, ông đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Q và ông Đ đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay do bất đồng ý kiến, không hàn gắn được, do đó có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà Q và ông Đ đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Q và ông Đ có 01 người con chung là Tăng Quỳnh L, sinh ngày 07/8/2013, hiện đang sống chung với gia đình ông Đ. Tại phiên tòa, bà Q đồng ý để ông Đ trực tiếp nuôi con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Lam cũng có nguyện vọng sống với ông Đ, hiện nay cháu cũng đang sống chung với gia đình ông Đ, ông Đ yêu cầu được quyền tiếp tục được nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ theo nguyện vọng của con chung và nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của con chung thì cần thiết giao con chung Tăng Quỳnh L cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Lam đủ 18 tuổi. Bà Q được quyền thăm nom con chung Tăng Quỳnh L, không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị Mỹ Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 218, 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Q đối với bị đơn ông Tăng Hải Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Q được ly hôn với ông Tăng Hải Đ.

2. Về con chung: Giao cho ông Tăng Hải Đ được quyền trực tiếp nuôi con chung là Tăng Quỳnh L, sinh ngày 07/8/2013 cho đến khi con chung Tăng Quỳnh L đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Mỹ Q được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Tăng Hải Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ Q và ông Tăng Hải Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Tòa án số 0009841 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Nguyễn Thị Mỹ Q đã nộp xong.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

8. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
  - Các đương sự;
  - TAND tỉnh Sóc Trăng;
  - Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
  - UBND xã T, huyện M
- (Theo GCNKH số 98 ngày 13/4/2015);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mến**